TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **38/**2026/DS-ST
Ngày: 29-4-2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lê Thị Thận;
2. ông Trần Đức Hòa;

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Tâm – Kiểm sát viên

Trong các ngày 22 và ngày 29 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 42/2026/TLST – DS ngày 27 tháng 01 năm 2026 về: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2026/QĐXXST – DS ngày 02 tháng 4 năm 2026 giữa:

1/ Nguyên đơn: ông Đinh Đại D, sinh năm 1973
Địa chỉ: thôn Trấn Ph, xã Cát T, tỉnh Lâm Đồng.
Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Thành Th, sinh năm: 1977
Địa chỉ: thôn Đức Ph, xã Bù Đ, tỉnh Đồng Nai.

2/ ***Bị đơn:***
- chị Điểu Thị H, sinh năm: 1998
- bà Thị V, sinh năm: 1964
- cháu Điểu Thị Nhã Th, sinh năm: 2016
- cháu Điểu Gia T, sinh năm: 2021

Người đại diện theo pháp luật của cháu Thư, cháu Toàn: chị Điểu Thị H, sinh năm: 1998
Địa chỉ: thôn 2, xã Thọ S, tỉnh Đồng Nai
(Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30-9-2025 của nguyên đơn ông Đinh Đại D và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thành Th trình bày:

Vào năm 2023 đến năm 2025 ông D nhiều lần cho vợ chồng anh Điểu Tư (Điểu Từ) và chị Điểu Thị H vay tiền, bao gồm: Ngày 25/12/2023 cho vay 40.000.000đ, hẹn trả vào ngày 25/6/2024. Ngày 15/4/2024 cho vay 30.000.000đ, hẹn trả vào ngày 15/4/2025. Ngày 3/5/2024 cho vay 40.000.000đ, hẹn trả vào ngày 03/12/2024. Ngày 11/8/2024 cho vay 50.000.000đ, hẹn trả vào ngày 11/4/2025. Ngày 28/8/2024 cho vay 50.000.000đ, hẹn trả vào ngày 28/5/2025, trong giấy vay tiền đề ngày 28/8/2004, hẹn trả vào ngày 28/5/2005. Ngày 18/9/2024 cho vay 100.000.000đ, hẹn trả vào ngày 18/1/2025. Ngày 16/10/2024 cho vay 60.000.000đ, hẹn trả vào ngày 16/02/2025. Ngày 29/12/2024 cho vay 130.000.000đ, hẹn trả vào ngày 29/4/2025. Ngày 28/2/2025 cho vay 100.000.000đ, hẹn trả vào ngày 28/8/2025. Ngày 5/5/2025 cho vay 60.000.000đ, hẹn trả vào ngày 5/6/2025. Ngày 26/7/2025 cho vay 50.000.000đ, hẹn trả vào ngày 26/8/2025. Ngày 22/8/2025 cho vay 50.000.000đ, hẹn trả vào ngày 2/9/2025

Các lần vay tiền đều làm giấy tờ và có hẹn thời hạn trả. Khoản vay ngày 26/7/2025 và khoản vay ngày 22/8/2025 thì thỏa thuận lãi theo lãi suất Ngân hàng, các khoản vay khác thì không thỏa thuận lãi suất.

Đã quá thời hạn trả nợ ông D nhiều lần yêu cầu anh T chị H trả nhưng anh chị không trả. Đến ngày 27/9/2025 anh T bị tai nạn và chết và người kế thừa quyền, nghĩa vụ của anh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của anh T. Vì vậy, ông D khởi kiện yêu cầu người kế thừa quyền, nghĩa vụ của anh T là chị Điểu Thị H, bà Thị V, cháu Điểu Thị Nhã Th và cháu Điểu Gia T thực hiện nghĩa vụ trả số tiền vay 760.000.000đ và trả số tiền lãi phát sinh với lãi suất 1%/ tháng tÍnh từ ngày anh T chị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ của từng khoản cho đến nay.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu chị H cùng người kế thừa quyền, nghĩa vụ của anh T trả số tiền vay 760.000.000đ và yêu cầu trả tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Điểu Thị H trình bày:

Chị là vợ của anh Điểu Từ, vợ chồng chị đăng ký kết hôn tại UBND xã Đồng N, huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước vào năm 2017. Ngày 27/9/2025 anh Điểu Từ bị tai nạn và chết. Anh Điểu T có 02 người con ruột tên là Điểu Thị Nhã Th và Điểu Gia T, có mẹ ruột tên là Thị V, bố của anh Điểu V tên là Điểu M đã chết cách đây 15 năm.

Về việc vay tiền, thì ngày 25/12/2023 chị và anh T có vay của ông D số tiền 40.000.000đ, đưa tiền tại nhà ông D. Việc vay tiền có làm giấy tờ do ông D viết và vợ chồng chị ký nhận. Số tiền vay này anh T đã trả tiền gốc, tiền lãi hay chưa thì chị không biết. Nay ông D khởi kiện thì chị đồng ý trả số tiền vay 40.000.000đ, không đồng ý trả tiền lãi do không có khả năng trả.

Chị thừa nhận chữ ký, chữ viết Điểu Từ dưới mục người mượn tiền trong các giấy vay tiền mà ông D cung cấp là chữ ký, chữ viết của anh T. Tuy nhiên, chị không biết các việc vay tiền khác (ngoài số tiền vay 40.000.000đ ngày 23/12/2023) giữa ông D và anh T. Anh T cũng không nói cho chị và người nhà biết. Nay ông D khởi kiện yêu cầu người kế thừa quyền, nghĩa vụ của anh T là chị Điểu Thị H, bà Thị V, cháu

Điểu Thị Nhã Th và cháu Điểu Gia T thực hiện nghĩa vụ trả số tiền vay 760.000.000đ và trả số tiền lãi phát sinh với lãi suất 1%/ tháng tính từ ngày anh T chị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ của từng khoản chị chỉ đồng ý trả số tiền vay 40.000.000đ, còn số tiền 720.000.000đ chị không đồng ý trả.

Tại phiên tòa, chị không chắc chắn chữ ký trong các giấy mượn tiền là chữ ký của anh T và chị không yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký của anh T. Chị xác định khoản vay 720.000.000đ là nợ riêng của anh T. Về yêu cầu khởi kiện của ông D, chị đồng ý trả số tiền 40.000.000đ, số tiền còn lại chị không đồng ý trả và không đồng ý trả lãi.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Thị V trình bày:

Bà là mẹ của anh Điểu T. Về quan hệ nhân thân của anh T bà đồng ý với lời trình bày của chị H. Về việc vay tiền giữa anh T, chị H và ông D thì bà hoàn toàn không biết và số tiền vay anh T cũng không chi tiêu trong gia đình. Bà và anh T chị H không ở chung. Nay ông D khởi kiện yêu cầu người kế thừa quyền, nghĩa vụ của anh T là chị Điểu Thị H, bà Thị V, cháu Điểu Thị Nhã Th và cháu Điểu Gia T thực hiện nghĩa vụ trả số tiền vay 760.000.000đ và trả số tiền lãi phát sinh với lãi suất 1%/ tháng tính từ ngày anh T chị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ của từng khoản bà không đồng ý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định về tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 469 và Điều 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông D. Buộc bị đơn chị H liên đới với người kế thừa quyền, nghĩa vụ của anh T là chị Điểu Thị H, bà Thị V, Điểu Thị Nhã Th và Điểu Gia T trả cho ông D số tiền vay 40.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh trong phạm vi di sản thừa kế anh Điểu T để lại. Buộc người kế thừa quyền, nghĩa vụ của anh T là chị Điểu Thị H, bà Thị V, Điểu Thị Nhã Th và Điểu Gia To trả số tiền vay là 720.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh trong phạm vi di sản thừa kế anh Điểu T để lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét: ông Đinh Đại D khởi kiện người kế thừa quyền, nghĩa vụ của anh T là chị Điểu Thị H, bà Thị V, cháu Điểu Thị Nhã Th và cháu Điểu Gia T trả số tiền vay 760.000.000đ cùng tiền lãi phát sinh. Chị H, bà V không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông D. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại". Bị đơn chị Điểu Thị H, bà Thị V, cháu Điểu Thị Nhã Th và cháu Điểu Gia T cư trú tại thôn 2, xã Thọ S, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết vụ án nói trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai.

[2] Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn về số tiền vay 40.000.000đ vào ngày 23/12/2023 và tiền lãi phát sinh:

[2.1] Về tiền vay: ông D khai nhận ngày 25/12/2023 ông D cho anh T chị H vay số tiền 40.000.000đ, hẹn ngày 25/6/2024 trả. Ông D cung cấp cho Tòa án giấy vay tiền (bl số 44) để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông D. Quá trình giải quyết vụ án, chị Điểu Thị H thừa nhận việc vay tiền nói trên. Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Như vậy, ngày 25/12/2023 anh T chị H vay số tiền 40.000.000 đồng của ông D là có thật. Đây là tình tiết không phải chứng minh.

Trong giấy mượn tiền ngày 25/12/2023 có ghi nhận *"hẹn đến ngày 25 tháng 6 năm 2024"*. Tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn"*. Như vậy, thời hạn anh T chị H phải trả tiền vay cho ông D chậm nhất là ngày 25/6/2024. Tuy nhiên, anh T chị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận. Do bên vay tài sản vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu người vay trả số tiền vay là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về tiền lãi: ông D yêu cầu trả tiền lãi phát sinh từ ngày 25/6/2024 cho đến nay theo quy định của pháp luật. Chị H không đồng ý trả tiền lãi. Xét, ông D khai nhận khoản vay ngày 25/12/2023 các bên không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả là ngày 25/6/2024. Đây là hợp đồng vay không có lãi. Khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: *"Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác"*. Do đó, yêu cầu trả tiền lãi của ông D có đủ cơ sở chấp nhận và tiền lãi được tính như sau: từ ngày 25/6/2024 đến ngày 29/4/2026 là 22 tháng 4 ngày x 0,83%/ tháng x 40.000.000đ = 7.348.264đ.

[3] Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn về số tiền vay 720.000.000đ và tiền lãi phát sinh:

[3.1] Về số tiền vay 720.000.000đ: Ông D khai nhận ngoài khoản vay ngày 23/12/2023 thì ông D cho anh T vay số tiền 670.000.000đ, vay làm nhiều lần, cụ thể ngày 15/4/2024 ông D cho vay 30.000.000đ, hẹn trả vào ngày 15/4/2025. Ngày 3/5/2024 ông D Cho vay 40.000.000đ, hẹn trả vào ngày 03/12/2024. Ngày 11/8/2024 ông D cho vay 50.000.000đ, hẹn trả vào ngày 11/4/2025. Ngày 18/9/2024 ông D cho vay 100.000.000đ, hẹn trả vào ngày 18/1/2025. Ngày 16/10/2024 ông D cho vay 60.000.000đ, hẹn trả vào ngày 16/02/2025. Ngày 29/12/2024 ông D cho vay 130.000.000đ, hẹn trả vào ngày 29/4/2025. Ngày 28/2/2025 ông D cho vay 100.000.000đ, hẹn trả vào ngày 28/8/2025. Ngày 5/5/2025 ông D cho vay 60.000.000đ, hẹn trả vào ngày 5/6/2025. Ngày 26/7/2025 ông D cho vay 50.000.000đ, hẹn trả vào ngày 26/8/2025. Ngày 22/8/2025 ông D cho vay 50.000.000đ, hẹn trả vào ngày 2/9/2025. Ông D cung cấp giấy vay tiền để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Ngoài ra, ngày 28/8/2024 ông D cho vay 50.000.000đ, hẹn trả vào ngày

28/5/2025. Tuy nhiên trong giấy vay tiền đề ngày 28/8/2004, hẹn trả vào ngày 28/5/2005 do viết nhầm. Tại phiên tòa, chị H khai nhận chị không chắc chắn chữ ký chữ viết trong các giấy mượn tiền, giấy vay tiền là chữ ký, chữ viết của anh Điểu Từ và chị không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông D. Tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *"Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó".* Tuy nhiên, chị H từ chối việc trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của anh Điểu T. Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án, chị H thừa nhận chữ ký chữ viết trong các giấy mượn tiền, giấy vay tiền là chữ ký, chữ viết của anh Điểu T. Vì vậy, không có cơ sở để xem xét ý kiến của chị H. Đối với số tiền vay 50.000.000đ mặc dù trong giấy mượn tiền ghi nhận *"hôm nay ngày 28/8/2004...đến ngày 28/5/2005 tôi sẽ hoàn trả"*. Tuy nhiên, anh T sinh năm 1996, tính đến năm 2004 thì anh T mới có 08 tuổi không thể thực hiện các giao dịch vay tiền, vì vậy, việc ông D khai nhận ghi nhầm thời gian vay là 2024 thành 2004 và 2025 thành 2005 là có cơ sở chấp nhận. Do đó, có đủ cơ sở xác định anh T vay số tiền 720.000.000 đồng của ông D là có thật.

Trong giấy mượn tiền ngày 15/4/2024 có ghi nhận *"tôi hẹn tới ngày 15/4/2025 tôi sẽ trả đủ tiền"*. Trong giấy mượn tiền ngày 03/5/2024 có ghi nhận *"tôi hẹn tới ngày 3/12/2024 tôi sẽ trả đủ số tiền"*. Trong giấy mượn tiền ngày 11/8/2024 có ghi nhận *"tôi hẹn tới ngày 11/4/2025 tôi sẽ trả đủ tiền"*. Trong giấy mượn tiền ngày 18/9/2024 có ghi nhận *"tôi hẹn tới ngày 18/1/2025 tôi sẽ trả đủ tiền"*. Trong giấy mượn tiền ngày 16/10/2024 có ghi nhận *"tôi hẹn tới ngày 16/02/2025 tôi sẽ trả đủ tiền"*. Trong giấy biên nhận mượn tiền ngày 29/12/2024 có ghi nhận *"tôi hẹn tới ngày 29/4/2025 tôi sẽ trả đủ tiền"*. Trong giấy vay tiền ngày 28/2/2025 có ghi nhận *"tôi hẹn tới ngày 28/8/2025 tôi sẽ trả đủ tiền"*. Trong giấy mượn tiền ngày 5/5/2025 có ghi nhận *"tôi hẹn tới ngày 05/6/2025 tôi sẽ trả đủ tiền"*. Trong giấy cho vay tiền ngày 26/7/2025 có ghi nhận *"thời điểm thanh toán gốc: 26/8/2025"*. Trong giấy cho vay tiền ngày 22/8/2025 có ghi nhận *"thời điểm thanh toán gốc: 02/9/2025"*. Tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn".* Như vậy, thời hạn người vay phải trả tiền vay cho ông D đã quá thời hạn trả nợ. Tuy nhiên, người vay không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận. Do bên vay tài sản vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu khởi kiện của ông D về việc yêu cầu người vay trả số tiền vay là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về tiền lãi phát sinh: ông D yêu cầu trả tiền lãi phát sinh từ ngày chậm thanh toán của từng khoản vay cho đến nay theo quy định của pháp luật. Chị H không đồng ý trả tiền lãi. Xét, đối với khoản vay 30.000.000đ vào ngày 15/4/2024, khoản vay 40.000.000đ vào ngày 3/5/2024, khoản vay 50.000.000đ vào ngày 11/8/2024, khoản vay 100.000.000đ vào ngày 18/9/2024, khoản vay 60.000.000đ vào ngày 16/10/2024, khoản vay 130.000.000đ vào ngày 29/12/2024, khoản vay 100.000.000đ vào ngày 28/2/2025, khoản vay 50.000.000đ vào ngày 28/8/2024 và khoản vay 60.000.000đ vào ngày 5/5/2025, ông D thừa nhận tại thời điểm vay không thỏa thuận lãi. Đây là hợp đồng vay không có lãi. Khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: *"Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định*

tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác". Đối với khoản vay 50.000.000đ vào ngày 26/7/2025 và khoản vay 50.000.000đ vào ngày 22/8/2025 ông D khai nhận có thỏa thuận lãi và lãi suất theo Ngân hàng nhà nước quy định. Tuy nhiên, trong giấy cho vay tiền ngày 22/8/2025 và giấy cho vay tiền ngày 26/7/2025 ghi nhận: *"mức lãi suất cho vay: lãi suất theo lãi suất ngân hàng hiện hành"*. Như vậy, giữa anh T và ông D không có thỏa thuận rõ mức lãi suất và không thỏa thuận lãi suất của Ngân hàng cụ thể. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ. Do đó, yêu cầu trả tiền lãi của ông D có đủ cơ sở chấp nhận và tiền lãi được tính như sau:

Từ ngày 15/4/2025 đến ngày 29/4/2026 là 12 tháng 14 ngày x 30.000.000đ x 0,83%/ tháng = 3.104.200đ

Từ ngày 03/12/2025 đến ngày 29/4/2026 là 04 tháng 26 ngày x 40.000.000đ x 0,83%/ tháng = 1.616.800đ

Từ ngày 11/4/2025 đến ngày 29/4/2026 là 12 tháng 18 ngày x 50.000.000đ x 0,83%/ tháng = 5.229.000đ

Từ ngày 18/1/2025 đến ngày 29/4/2026 là 15 tháng 11 ngày x 100.000.000đ x 0,83%/ tháng = 12.757.000đ

Từ ngày 16/2/2025 đến ngày 29/4/2026 là 14 tháng 13 ngày x 60.000.000đ x 0,83%/ tháng = 7.186.000đ

Từ ngày 29/4/2025 đến ngày 29/4/2026 là 12 tháng x 130.000.000đ x 0,83%/ tháng = 12.948.000đ

Từ ngày 28/5/2025 đến ngày 29/4/2026 là 11 tháng 1 ngày x 50.000.000đ x 0,83%/ tháng = 4.578.800đ

Từ ngày 28/8/2025 đến ngày 29/4/2026 là 08 tháng 01 ngày x 100.000.000đ x 0,83%/ tháng = 6.668.000đ

Từ ngày 5/6/2025 đến ngày 29/4/2026 là 10 tháng 24 ngày x 60.000.000đ x 0,83%/ tháng = 5.378.000đ

Từ ngày 26/7/2025 đến ngày 29/4/2026 là 09 tháng 3 ngày x 50.000.000đ x 0,83%/ tháng = 3.776.500đ

Từ ngày 22/8/2025 đến ngày 29/4/2026 là 08 tháng 7 ngày x 50.000.000đ x 0,83%/ tháng = 3.416.800đ

Như vậy, tổng số tiền lãi là 66.659.100đ

[4] Xét nghĩa vụ trả nợ:

[4.1] Về số tiền vay 40.000.000đ vào ngày 25/12/2023 và tiền lãi phát sinh là 7.348.264đ: Xét thấy, giấy mượn tiền đề ngày 25/12/2023 có chữ ký của anh T và chị H. Ngoài ra, chị H thừa nhận khoản vay 40.000.000đ vào ngày 25/12/2023 là thật và đồng ý trả số tiền này. Khoản 2 Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *"Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này"*. Tại Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây: 1. Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại mà theo quy định của pháp luật vợ chồng cùng phải chịu trách nhiệm"*. Vì vậy, có đủ cơ sở xác định khoản vay

40.000.000đ vào ngày 25/12/2023 là khoản vay chung của anh T và chị H và cần buộc anh T và chị H chịu trách nhiệm liên đới. Tuy nhiên, anh T đã chết vào ngày 27/9/2025 và anh T có hàng thừa kế thứ nhất gồm vợ là chị Điểu Thị H, mẹ ruột là bà Thị V và 02 con ruột là Điểu Thị Nhã Th và Điểu Gia T. Theo Điều 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *"Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác"*. Do đó, cần buộc chị H liên đới với người kế thừa quyền, nghĩa vụ của anh T là chị Điểu Thị H, bà Thị V, Điểu Thị Nhã Th và Điểu Gia T trả số tiền vay là 40.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 7.348.264 đồng. Trong đó, chị Điểu Thị H, bà Thị V, Điểu Thị Nhã Th và Điểu Gia T là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của anh T thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại là ½ số tiền vay là 20.000.000 đồng và ½ số tiền lãi là 3.674.132 đồng trong phạm vi di sản thừa kế anh Điểu T để lại; chị Điểu Thị H trả ½ số tiền vay là 20.000.000 đồng và ½ số tiền lãi là 3.674.132 đồng.

[4.2] Về số tiền vay 720.000.000đ và tiền lãi phát sinh là 66.659.100đ: tại phiên tòa, nguyên đơn xác định khoản vay 720.000.000đ là nợ chung của chị H và anh T nên đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị H liên đới với người kế thừa quyền, nghĩa vụ của anh T trả số tiền vay 720.000.000đ và tiền lãi phát sinh. Chị H không thừa nhận là nợ chung của chị H và anh T. Xét, trong các giấy mượn tiền chỉ có chữ ký của anh T. Nguyên đơn khai nhận số tiền anh T vay dùng để chi tiêu trong gia đình, xây nhà và nguyên đơn cung cấp giấy vay tiền ghi nhận anh T cho người khác vay để hưởng tiền lãi chi tiêu cho gia đình. Tuy nhiên, trong giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp không có ghi nhận cho vay có lãi. Mặt khác, nguyên đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh cho mục đích sử dụng chung của số tiền cho vay. Vì vậy, căn cứ vào Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình không có đủ cơ sở xác định là trách nhiệm chung của anh T và chị H mà cần xác định là nợ riêng của anh T.

Tuy nhiên, anh T đã chết vào ngày 27/9/2025 và anh T có hàng thừa kế thứ nhất gồm vợ là chị Điểu Thị H, mẹ ruột là bà Thị V và 02 con ruột là Điểu Thị Nhã Th và Điểu Gia T. Theo Điều 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *"Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác"*. Do đó, cần buộc chị Điểu Thị H, bà Thị V, Điểu Thị Nhã Th và Điểu Gia T trả số tiền vay là 720.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 66.659.100 đồng trong phạm vi di sản thừa kế anh Điểu T để lại.

[5] Các nội dung khác:

[5.1] Về án phí: Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016 quy định: "*Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận"*. Do đó, bị đơn chị Điểu Thị H và người kế thừa quyền, nghĩa vụ của anh T là chị Điểu Thị H, bà Thị V, Điểu Thị Nhã Th và Điểu Gia T liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là 2.367.413đ. Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của anh T là chị Điểu Thị H, bà Thị V, Điểu Thị Nhã Th và Điểu Thị Gia T chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là 35.466.364đ.

[5.2] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5.3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 469 và Điều 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Đại D về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại"

Buộc bị đơn chị Điểu Thị H liên đới với người kế thừa quyền, nghĩa vụ của anh T là chị Điểu Thị H, bà Thị V, Điểu Thị Nhã Th và Điểu Gia T trả cho ông D số tiền vay 40.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 7.348.264 đồng. Trong đó, chị Điểu Thị H, bà Thị V, Điểu Thị Nhã Th và Điểu Gia T là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của anh Điểu Từ thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại là trả số tiền vay là 20.000.000 đồng và số tiền lãi là 3.674.132 đồng trong phạm vi di sản thừa kế anh Điểu T để lại. Chị Điểu Thị H trả số tiền vay là 20.000.000 đồng và số tiền lãi là 3.674.132 đồng.

Buộc người kế thừa quyền, nghĩa vụ của anh Điểu T là chị Điểu Thị H, bà Thị V, Điểu Thị Nhã Th và Điểu Gia T trả số tiền vay là 720.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 66.659.100 đồng trong phạm vi di sản thừa kế anh Điểu T để lại.

2/ Về án phí:

Buộc bị đơn chị Điểu Thị H và người kế thừa quyền, nghĩa vụ của anh T là chị Điểu Thị H, bà Thị V, Điểu Thị Nhã Th và Điểu Gia T liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.367.413 đồng.

Buộc người kế thừa quyền, nghĩa vụ của anh T là chị Điểu Thị H, bà Thị V, Điểu Thị Nhã Th và Điểu Gia T chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 35.466.364 đồng.

Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai hoàn trả lại cho nguyên đơn ông Đinh Đại D số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp là 18.030.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002372 ngày 27 tháng 01 năm 2026.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/4/2026).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 12 – Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu VP;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh